

V, ngày 24 tháng 11 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào khoản 3 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 16 tháng 11 năm 2020 về việc các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án Dân sự thụ lý số 152/2020/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông A, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp B, thị trấn c, huyện D, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của ông A: Bà A1, sinh năm 1982, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp E, xã G, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH MTV I, số 45H, đường K, Khóm 7, Phường 1, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đồng bị đơn*: Ông M, sinh năm 1956 và bà N, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện R, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà S, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp T, xã X, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Tính đến ngày 16 tháng 11 năm 2020, ông M và bà N còn nợ ông A số tiền là 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), ông A không yêu cầu tính lãi.

2.2. Ông M và bà N có nghĩa vụ thanh toán cho ông A số tiền nợ gốc 480.000.000 đồng (Bốn trăm tám mươi triệu đồng), không yêu cầu tính lãi.

2.3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.4. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 23.200.000 đồng, nhưng được giảm 50% do hòa giải thành bằng 11.600.000 đồng. Ông A phải chịu 5.800.000 đồng. Ông M và bà N phải chịu 5.800.000 đồng. Ông A, ông M, bà N đều có đơn xin miễn án phí với lý do là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ án phí. Vì vậy, ông A, ông M và bà N không phải nộp tiền án phí.

2.5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hoàng Yến